

**QUYẾT ĐỊNH**  
**CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN**  
**VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 54/2022/TLST – HNGĐ ngày 24 tháng 6 năm 2022, giữa;

- Nguyên đơn: Anh Mai Xuân H, sinh năm 1983;
- Bị đơn: Chị Nguyễn Thị Th, sinh năm 1986;

Cùng địa chỉ: Thôn 4, xã Đ, huyện Ng, tỉnh K.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 57, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 13 tháng 7 năm 2022;

**XÉT THẤY:**

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 13 tháng 7 năm 2022 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH:**

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Anh Mai Xuân H với chị Nguyễn Thị Th.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Mai Xuân H và chị Nguyễn Thị Th thỏa thuận thuận tình ly hôn. Hôn nhân giữa anh chị chấm dứt kể từ ngày ban hành quyết định này (21-7-2022).

- Về con chung: Anh Mai Xuân H và chị Nguyễn Thị Th có 01 con chung tên là Mai Xuân H, sinh ngày 01/10/2008, anh Mai Xuân H và chị Nguyễn Thị Th

nhất trí giao con là Mai Xuân H cho anh Mai Xuân H trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi, có khả năng lao động và tự lập được. Anh H không yêu cầu chị Th cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn các bên không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con; Các bên có quyền thay đổi người nuôi con và yêu cầu mức cấp dưỡng đối với bên không trực tiếp nuôi con theo quy định pháp luật.

- Về tài sản chung: Các đương sự tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa giải quyết.

- Về án phí: Căn cứ Điều 144 và khoản 3,4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 24, khoản 7 Điều 26, điểm a khoản 5 Điều 27 và danh mục án phí của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội: Anh Mai Xuân H và chị Nguyễn Thị Th mỗi người phải chịu 75.000đ án phí ly hôn sơ thẩm, anh Mai Xuân H nhận nộp thay cho chị Th, nên anh Mai Xuân H phải nộp 150.000đ (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*), để nộp ngân sách Nhà nước, anh Mai Xuân H được chuyển 150.000đ tiền tạm ứng án phí sang tiền án phí và được nhận lại 150.000đ (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*) theo biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2021/0002770 ngày 24-6-2022 của chi cục Thi hành án dân sự huyện Ng, tỉnh K.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

**Nơi nhận:**

- Nguyên đơn; Bị đơn
- VKSND huyện;
- THADS huyện;
- TAND tỉnh;
- UBND xã T – T-
- B (nơi đăng ký kết hôn).
- Lưu HSVA.

**THẨM PHÁN**

Đã ký

**Nguyễn Thị Kim Oanh**